Chi tiết mã HS 3917.39

Mã HS	3917.39
Mô tả hàng hóa	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	02/11/2026 00:56:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/391739/

8 dòng thuế thuộc 3917.39

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3917.39.11	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần: / - - - - Từ các polyme trùng hợp; từ sợi lưu hóa (SEN)	kg/m/chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
3917.39.12	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần: / - - - - Từ nhựa phenolic hoặc nhựa amino; từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên (SEN)	kg/m/chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
3917.39.19	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Được gia công hơn mức gia công bề mặt đơn thuần: / - - - - Loại khác (SEN)	kg/m/chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
3917.39.91	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ các polyme trùng hợp; từ sợi lưu hóa	kg/m/chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
3917.39.92	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ nhựa phenolic hoặc nhựa amino; từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên	kg/m/chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3917.39.93	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp khác	kg/m/ chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
3917.39.94	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Từ nitrat xenlulo, các acetat xenlulo và các dẫn xuất hóa học khác của xenlulo, đã hóa dẻo	kg/m/ chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
3917.39.99	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic / - Ống, ống dẫn và ống vòi khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/m/ chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.